



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG THỊ NẠI**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Cảng Thị Nại) theo Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100259282 ngày 01/01/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 3 lần và lần điều chỉnh gần nhất ngày 09 tháng 07 năm 2015), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**Vốn điều lệ:** 71.000.000.000 đồng

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016:** 71.000.000.000 đồng

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UpCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 843/QĐ-SGDHN ngày 15/12/2016 với mã chứng khoán là TNP.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 056.3892573 - 3892991
- Fax: (84) 056.3892097
- Email: thinaiport@vnn.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử; Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: Mua bán khoáng sản.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 241 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 13 người.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đồng Thị Ánh         | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 30/06/2015     |
| • Bà Lâm Ánh Vy           | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2015 |
| • Bà Đồng Thị Quỳnh Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2015     |

### *Ban Kiểm soát*

- |                          |            |  |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Hà Trung Lưu       | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30/06/2015                                   |
| • Bà Võ Thị Thu Hiền     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2016                                   |
| • Ông Châu Văn Hùng      | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2015<br>Miễn nhiệm ngày 01/05/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Thùy Yên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2015                                   |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                          |  |
|---------------------------|--------------------------|--|
| • Bà Đồng Thị Ánh         | Giám đốc                 | Bổ nhiệm ngày 15/11/2015                               |
| • Ông Huỳnh Tấn Quy Nhơn  | Phó Giám đốc thường trực | Bổ nhiệm ngày 15/11/2015<br>Miễn nhiệm ngày 07/03/2016 |
| • Ông Nguyễn Văn Thi      | Phó Giám đốc             | Bổ nhiệm ngày 04/08/2015                               |
| • Ông Hồ Liên Nam         | Phó Giám đốc             | Bổ nhiệm ngày 11/11/2015                               |
| • Bà Đồng Thị Quỳnh Hương | Kế toán trưởng           | Bổ nhiệm ngày 01/11/2013                               |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

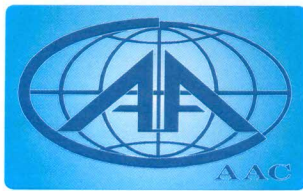
## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Quy Nhơn, ngày 25 tháng 3 năm 2017



Số: 426/2017/BCKT-AAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18/03/2017, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 30, khoản phạt chậm tiến độ và vi phạm hợp đồng 3.001.293.833 đồng được Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016 mà không hạch toán giảm nguyên giá tài sản cố định – Bến cập tàu 10.000 DWT là chưa phù hợp với hướng dẫn hạch toán kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Nếu hạch toán đúng quy định nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán, các chỉ tiêu “Tài sản cố định”, “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi lần lượt là 2.901.250.706 đồng, 580.250.142 đồng và 2.321.000.564 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán”, “Thu nhập khác”, “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”, “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” và Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi lần lượt là 100.043.127 đồng, 3.001.293.833 đồng, 580.250.142 đồng, 2.321.000.564 đồng và 301 đồng.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Phương Lan** – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 369-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2017

**Lê Vinh Hà** – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.352.705.118</b>	<b>21.982.207.766</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>375.216.353</b>	<b>10.688.877.672</b>
1. Tiền	111	5	375.216.353	1.988.877.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>500.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.251.142.239</b>	<b>11.128.068.323</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.619.416.895	4.054.096.388
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	394.228.125	7.678.582.868
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	79.099.353	91.097.769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(841.602.134)	(695.708.702)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>226.346.526</b>	<b>165.261.771</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	226.346.526	165.261.771
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.324.739.198</b>	<b>71.198.548.033</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.069.505.920</b>	<b>53.490.411.325</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	68.069.505.920	53.490.411.325
- Nguyên giá	222		98.229.401.753	78.702.598.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.159.895.833)	(25.212.187.138)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.725.325.454</b>	<b>112.917.703</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.725.325.454	112.917.703
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.529.907.824</b>	<b>14.595.219.005</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14.529.907.824	14.595.219.005
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.677.444.316</b>	<b>93.180.755.799</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.736.007.819</b>	<b>9.987.939.711</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.486.007.819</b>	<b>9.987.939.711</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	312.392.229	1.551.528.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	449.576.571	160.944.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.285.994.607	1.425.324.291
4. Phải trả người lao động	314		1.414.895.038	2.851.296.302
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.127.870.256	56.533.600
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	196.788.953	3.764.383.981
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	500.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		198.490.165	177.928.294
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.250.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	2.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	3.250.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>82.941.436.497</b>	<b>83.192.816.088</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>82.941.436.497</b>	<b>83.192.816.088</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	71.000.000.000	71.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.000.000.000	71.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	40.909.091	40.909.091
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	2.289.558.467	1.228.421.691
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.610.968.939	9.923.485.306
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		8.610.968.939	9.923.485.306
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>93.677.444.316</b>	<b>93.180.755.799</b>



Giám đốc  
Đông Thị Ánh

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đông Thị Quỳnh Hương

Người lập biểu

Lê Thị Minh Quy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	42.241.389.795	48.893.331.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	40.824.941	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		42.200.564.854	48.893.331.671
4. Giá vốn hàng bán	11	26	27.974.736.672	31.370.902.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>14.225.828.182</u>	<u>17.522.429.276</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	257.057.830	599.804.557
7. Chi phí tài chính	22	28	285.736.111	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		285.736.111	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	82.909.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	5.758.615.086	5.626.392.574
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>8.438.534.815</u>	<u>12.412.931.819</u>
11. Thu nhập khác	31	30	3.112.658.757	374.845.455
12. Chi phí khác	32	31	495.034.128	600.000
13. Lợi nhuận khác	40		<u>2.617.624.629</u>	<u>374.245.455</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>11.056.159.444</u>	<u>12.787.177.274</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.445.190.505	2.863.691.968
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>8.610.968.939</u>	<u>9.923.485.306</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.116	1.258
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.116	1.258



Giám đốc

Đông Thị Ánh

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đông Thị Quỳnh Hương

Người lập biểu

Lê Thị Minh Quy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		42.964.701.088	50.431.525.486
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(16.905.339.805)	(13.846.543.713)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.623.577.463)	(19.321.451.264)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	19,28	(281.312.500)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18,32	(2.837.985.416)	(2.021.506.200)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.404.827.091	5.360.433.282
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.255.424.269)	(6.573.892.585)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.465.888.726</b>	<b>14.028.565.006</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12,13	(13.599.538.683)	(12.559.676.062)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	30	113.636.364	204.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(500.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 27	266.827.274	598.676.780
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(13.719.075.045)</b>	<b>(11.756.453.827)</b>
<b>1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21,35	5.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21,36	(1.250.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20a,22d	(7.810.475.000)	(4.271.950.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.060.475.000)</b>	<b>(4.271.950.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(10.313.661.319)</b>	<b>(1.999.838.821)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.688.877.672	12.688.716.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>375.216.353</b>	<b>10.688.877.672</b>



Giám đốc

Đông Thị Anh

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đông Thị Quỳnh Hương

Người lập biểu

Lê Thị Minh Quy

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Cảng Thị Nại) theo Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100259282 ngày 01/01/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 3 lần và lần điều chỉnh gần nhất ngày 09 tháng 07 năm 2015), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan

**Vốn điều lệ:** 71.000.000.000 đồng

**Vốn góp thực tế đến 31/12/2016:** 71.000.000.000 đồng

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UpCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 843/QĐ-SGDHN ngày 15/12/2016 với mã chứng khoán là TNP.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử; Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: Mua bán khoáng sản.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### *Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

#### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 40
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải	10

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: Phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động cho thuê kho, văn phòng, bốc xếp, cảng phí (riêng cảng phí tàu quốc tế xuất khẩu là 0%). Hoạt động bán hàng hoá, dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	39.834.445	15.289.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	335.381.908	1.973.588.622
<b>Cộng</b>	<b>375.216.353</b>	<b>1.988.877.672</b>

### 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2016, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Tài Nguyên Đông Á	212.933.600	52.470.000
Công ty Xây dựng Công trình Đường thủy II	441.705.001	441.705.001
Công ty TNHH MTV TH Tân Việt Phong	435.334.611	75.528.379
Công ty TNHH TM Khoáng sản Quỳnh Hoa	369.644.774	369.644.774
DNTN Vân Trường- Bình Định	-	185.578.773
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	-	414.392.319
Các đối tượng khác	2.159.798.909	2.514.777.142
<b>Cộng</b>	<b>3.619.416.895</b>	<b>4.054.096.388</b>

Trong đó, phải thu của khách hàng là bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ	11.922.527	-

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
CN Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	62.800.000	-
Công ty TNHH cơ khí TM DV Hàng Hải Sơn Tùng	178.200.000	-
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Quang Trung	92.500.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	-	4.971.612.668
Công ty TNHH Hoàng Hạnh	-	2.000.000.000
Các đối tượng khác	60.728.125	706.970.200
<b>Cộng</b>	<b>394.228.125</b>	<b>7.678.582.868</b>

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.149.100	-	9.174.100	-
Lãi dự thu	-	-	9.769.444	-
Phải thu khác	75.950.253	-	72.154.225	-
<b>Cộng</b>	<b>79.099.353</b>	<b>-</b>	<b>91.097.769</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	(806.602.134)	(436.957.360)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(35.000.000)	(258.751.342)
<b>Cộng</b>	<b>(841.602.134)</b>	<b>(695.708.702)</b>

#### b. Nợ xấu

	31/12/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Giao nhận Vận tải Ánh Dương	50.736.400		- Trên 3 năm	DN đã thay đổi địa chỉ không thể liên lạc được
- Công ty TNHH Ánh Thông	30.925.400		- Trên 3 năm	Giám đốc Huỳnh Ngọc Ánh bị bắt ngày 02/08/2012 nên không liên lạc được
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bình Trình	151.510.000		- Trên 3 năm	DN đang hoạt động đã khởi kiện không còn tài sản để thi hành án
- Công ty TNHH Quốc tế Haemal	12.539.035		- Trên 3 năm	DN đã thay đổi địa chỉ không thể liên lạc được
- Công ty TNHH Hoàng Mai	79.012.700		- Trên 3 năm	DN đã thay đổi địa chỉ không thể liên lạc được
- Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	33.195.500		- Trên 3 năm	DN bị chìm tàu, phá sản nên mất khả năng thanh toán
- Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Tuấn Lan	22.038.325		- Trên 3 năm	DN đang hoạt động đã khởi kiện
- Công ty TNHH Vinh Phương	57.000.000		- Trên 3 năm	DN đang hoạt động đã khởi kiện không còn tài sản để thi hành án
- Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Quỳnh Hoa	369.644.774		- Trên 3 năm	DN đã thay đổi địa chỉ không thể liên lạc được
- Công ty CP Vật tư Dịch vụ Nông Lâm nghiệp Kon Tum	50.000.000	15.000.000	Từ 2 đến dưới 3 năm	DN gặp khó khăn không có khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>856.602.134</b>	<b>15.000.000</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	152.401.004	-	115.862.556	-
Công cụ, dụng cụ	73.945.522	-	49.399.215	-
<b>Cộng</b>	<b>226.346.526</b>	<b>-</b>	<b>165.261.771</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	52.263.785.355	26.438.813.108	-	78.702.598.463
Đ/tr XDCB h/thành	8.342.640.417	-	-	8.342.640.417
Mua sắm trong năm	66.525.000	10.352.363.636	991.936.364	11.410.825.000
Thanh lý, nhượng bán	226.662.127	-	-	226.662.127
<b>Số cuối năm</b>	<b>60.446.288.645</b>	<b>36.791.176.744</b>	<b>991.936.364</b>	<b>98.229.401.753</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	15.138.320.160	10.073.866.978	-	25.212.187.138
Khấu hao trong năm	2.225.722.586	2.850.381.675	95.993.842	5.172.098.103
Thanh lý, nhượng bán	224.389.408	-	-	224.389.408
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.139.653.338</b>	<b>12.924.248.653</b>	<b>95.993.842</b>	<b>30.159.895.833</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	37.125.465.195	16.364.946.130	-	53.490.411.325
<b>Số cuối năm</b>	<b>43.306.635.307</b>	<b>23.866.928.091</b>	<b>895.942.522</b>	<b>68.069.505.920</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 5.646.629.943 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 7.668.881.923 đồng.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà xưởng khẩu độ (45mx56m)	3.725.325.454	-
Sửa chữa văn phòng làm việc và nhà kho	-	112.917.703
<b>Cộng</b>	<b>3.725.325.454</b>	<b>112.917.703</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2016			01/01/2016	
				Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty CP Tân Cảng Miền Trung (i)	Đang hoạt động	8,8%	-	300.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>					<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Kết quả kinh doanh các năm 2015, 2016 của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 2016 của Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của năm 2016 để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Mặt khác, Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lợi thế kinh doanh (*)	13.728.130.775	14.256.699.515
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	78.566.841	166.170.709
Chi phí trả trước dài hạn khác	723.210.208	172.348.781
<b>Cộng</b>	<b>14.529.907.824</b>	<b>14.595.219.005</b>

- (\*) Là giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (lợi thế vị trí của trụ sở số 02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định) hình thành khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm 31/12/2008 theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 28/07/2009 và được phân bổ cụ thể như sau:
- Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2013, Công ty xác định phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT – BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính với giá trị phân bổ là 1.719.945.900 đồng/năm, lũy kế số đã phân bổ đến 31/12/2013 là 2.149.932.375 đồng;
  - Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016, Công ty đã thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong năm theo quy định tại Khoản 1, 3, Điều 25, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (năm 2014 là 264.258.370 đồng, năm 2015 là 528.568.740 đồng và năm 2016 là 528.568.740 đồng).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Hoàng Hạnh	182.000.000	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Minh Hiếu Cẩm Phả	28.600.000	57.200.000
Công ty TNHH Xây dựng Cơ khí Minh Phú	19.668.700	562.453.655
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường thủy	-	23.685.400
Công ty Xây lắp Điện Tuy Phước	-	162.525.960
DNTN Vân Trường	-	561.783.050
Các đối tượng khác	82.123.529	183.880.407
<b>Cộng</b>	<b>312.392.229</b>	<b>1.551.528.472</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bảo Phúc Thịnh	60.707.840	-
Công ty Cổ phần Hoa Linh Lan	82.698.000	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	75.416.000	-
Công ty TNHH Việt Hóa Nông	115.159.880	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Phú Yên	1.680.934	35.000.000
Nguyễn Hoàng Nam	-	4.686.464
Công ty TNHH MTV Nông sản Lê Anh	-	21.915.232
Công ty Cổ phần Hoá chất Công nghiệp Tân Long	-	60.797.595
Các đối tượng khác	113.913.917	38.545.480
<b>Cộng</b>	<b>449.576.571</b>	<b>160.944.771</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	227.550.212	1.918.698.936	1.649.657.507	496.591.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.168.131.635	2.445.190.505	2.837.985.416	775.336.724
Thuế thu nhập cá nhân	29.642.444	144.634.371	160.210.573	14.066.242
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	31.462.425	31.462.425	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.425.324.291</b>	<b>4.542.986.237</b>	<b>4.682.315.921</b>	<b>1.285.994.607</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà xưởng khẩu độ (45mx56m)	930.550.272	-
Phí dịch vụ môi giới	102.521.845	27.783.450
Chi phí phải trả khác	94.798.139	880.000
Chi phí thuê xe cẩu	-	27.870.150
<b>Cộng</b>	<b>1.127.870.256</b>	<b>56.533.600</b>

### 20. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	192.086.953	30.797.409
Phải trả ngắn hạn khác	4.702.000	3.733.586.572
- Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	-	3.728.230.200
- Cổ tức phải trả	4.702.000	5.177.000
- Phải trả khác	-	179.372
<b>Cộng</b>	<b>196.788.953</b>	<b>3.764.383.981</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2016	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc Rồng Biển theo Hợp đồng thuê kho chứa hàng nguyên liệu thức ăn gia súc số 79/2016/HĐKT ngày 04 tháng 04 năm 2016. Theo Điều 1 của Hợp đồng nói trên, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc Rồng Biển sẽ ứng trước cho Công ty số tiền 2 tỷ đồng để xây dựng nhà kho. Số tiền ứng trước này sẽ được Công ty hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc Rồng Biển khi kết thúc thời hạn thuê kho (là 10 năm) và thanh lý hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	-	1.750.000.000	1.250.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>

**b. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn (*) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	-	5.000.000.000	1.250.000.000	3.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.750.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			500.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.250.000.000</b>

(\*) Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn theo Hợp đồng vay số 24/NHNT - QN ngày 19/02/2016, cụ thể như sau:

- ✓ Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng;
- ✓ Mục đích vay: Đầu tư xe cầu bánh xích 100 tấn nhãn hiệu Hitachi để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 19/02/2016 đến 19/02/2021);
- ✓ Lãi suất: Áp dụng mức lãi suất cố định là 7%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 19/02/2016. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định, áp dụng lãi suất thả nổi bằng đồng Việt Nam và được xác định là: Lãi suất cơ sở (cộng) + mức biên, trong đó: Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau của Bên cho vay công bố trong từng thời điểm; Mức biên được điều chỉnh theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Bên vay tại Bên cho vay. Lãi suất quá hạn: Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn ;
- ✓ Thời gian trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc là 20 kỳ (3 tháng/kỳ), số tiền trả hàng kỳ là 250.000.000 đồng. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ nợ vay theo kế hoạch trả nợ bắt đầu từ tháng 19/05/2016 đến ngày 19/02/2021.
- ✓ Tài sản cầm cố thế chấp: Khoản vay trên được đảm bảo bằng xe cầu bánh xích 100 tấn nhãn hiệu Hitachi theo Hợp đồng thế chấp động sản số 06/VCB - QN ngày 19/02/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	71.000.000.000	1.000.000.000	40.909.091	1.046.627.518	4.538.366.519	77.625.903.128
Tăng trong năm	-	-	-	181.794.173	9.923.485.306	10.105.279.479
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.538.366.519	4.538.366.519
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>40.909.091</b>	<b>1.228.421.691</b>	<b>9.923.485.306</b>	<b>83.192.816.088</b>
Số dư tại 01/01/2016	71.000.000.000	1.000.000.000	40.909.091	1.228.421.691	9.923.485.306	83.192.816.088
Tăng trong năm	-	-	-	1.061.136.776	8.610.968.939	9.672.105.715
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.923.485.306	9.923.485.306
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>40.909.091</b>	<b>2.289.558.467</b>	<b>8.610.968.939</b>	<b>82.941.436.497</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	53.490.780.000	53.490.780.000
Lâm Ánh Vy	9.983.320.000	9.983.320.000
Các cổ đông khác	7.525.900.000	7.525.900.000
<b>Cộng</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>71.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	9.923.485.306	4.538.366.519
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	8.610.968.939	9.923.485.306
Phân phối lợi nhuận năm trước	9.923.485.306	4.538.366.519
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	9.923.485.306	4.538.366.519
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.061.136.776	181.794.173
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	992.348.530	51.572.346
+ Chi phí đại hội cổ đông	60.000.000	45.000.000
+ Chia cổ tức	7.810.000.000	4.260.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>8.610.968.939</b>	<b>9.923.485.306</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2016.

**e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với tỷ lệ 11% vốn điều lệ (tương ứng 7.810.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2016.

**23. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán – Nợ khó đòi đã xử lý**

Tên khách hàng	31/12/2016	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty VTB Xuất nhập khẩu Bình Định	54.001.477	Đã giải thể
Cảng Quy Nhơn	1.600.000	Ghi nhầm công nợ đã trừ
Công ty Nam Hải - Hà Nội	6.800.000	Không rõ địa chỉ mới
Ga hành khách tàu biển III - Hải Phòng	643.300	Giá trị nhỏ
Cơ sở Vật liệu xây dựng Thịnh Quang - Quy Nhơn	1.910.000	Đòi nhiều lần không trả
Công ty Xây lắp An Giang	400.000	Giá trị nhỏ
Công ty TNHH 82 Hải Phòng	538.000	Giá trị nhỏ
Công ty Vận tải Nhiên liệu Cửu Long	776.451	Giá trị nhỏ
DNTN Tín Đạt An Giang	4.140.000	Đã giải thể
Công ty Cổ phần Hàng Hải - Bình Định	11.807.805	Tranh chấp lâu
Công ty TNHH Hà Phong - TP HCM	19.437.075	Đã giải thể
DNTN Hoàng Đạt - Bình Định	1.701.375	Không có hóa đơn kê khai thuế
Công ty TNHH Hồng Phát - Bình Định	3.732.500	Không có hóa đơn kê khai thuế
Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 12 tại Hải Dương	4.644.300	Không rõ địa chỉ mới Phí ướn hàng tranh chấp
Công ty TNHH Mai Hương Bình Định	1.334.550	không chịu thanh toán
Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Phát	1.106.600	Đã giải thể
<b>Cộng</b>	<b>114.573.433</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a. Doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.309.090.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.241.389.795	47.582.260.762
Doanh thu khác	-	1.980.000
<b>Cộng</b>	<b>42.241.389.795</b>	<b>48.893.331.671</b>

**b. Doanh thu với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ	1.820.743.649	23.760.260
<i>Bốc xếp, cân ti tan, thuê kho, vận chuyển, cầu và xúc</i>			
<b>Cộng</b>		<b>1.820.743.649</b>	<b>23.760.260</b>

**25. Giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
Giảm giá hàng bán	40.824.941	-
<b>Cộng</b>	<b>40.824.941</b>	<b>-</b>

**26. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.188.158.080
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	27.974.736.672	30.180.790.587
Giá vốn khác	-	1.953.728
<b>Cộng</b>	<b>27.974.736.672</b>	<b>31.370.902.395</b>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.057.830	344.804.557
Cổ tức lợi nhuận được chia	210.000.000	255.000.000
<b>Cộng</b>	<b>257.057.830</b>	<b>599.804.557</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	285.736.111	-
<b>Cộng</b>	<b>285.736.111</b>	<b>-</b>

### 29. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	2.684.378.302	3.418.356.972
Chi phí thuế, phí và lệ phí khác	563.781.165	607.437.952
Các khoản khác	2.510.455.619	1.600.597.650
<b>Cộng</b>	<b>5.758.615.086</b>	<b>5.626.392.574</b>

### 30. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	111.363.645	204.545.455
Phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng (*)	3.001.293.833	170.300.000
Các khoản khác	1.279	-
<b>Cộng</b>	<b>3.112.658.757</b>	<b>374.845.455</b>

(\*) Đây là khoản phạt hợp đồng bao gồm:

- Phạt chậm tiến độ hợp đồng DNTN Vân Trường là 143.000.000 đồng;
- Bồi thường Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy vi phạm hợp đồng là 2.858.293.833 đồng. Trong đó:
  - + Chậm tiến độ hợp đồng là 432.474.703 đồng;
  - + Tiền thiệt hại do Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy thực hiện hợp đồng không đảm bảo chất lượng là 654.928.341 đồng (cả thuế giá trị gia tăng là 720.421.175 đồng);
  - + Tiền chênh lệch đơn giá do Tổng Công ty đường Thủy không làm tiếp, Công ty đã thuê nhà thầu khác là 1.770.890.789 đồng (cả thuế giá trị gia tăng là 1.947.979.868 đồng).

### 31. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí bến cầu tàu 10.000 DWT không hợp lệ	370.218.862	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính về thuế	106.572.825	-
Các khoản khác	18.242.441	600.000
<b>Cộng</b>	<b>495.034.128</b>	<b>600.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.056.159.444	12.787.177.274
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.136.793.079	229.604.398
Điều chỉnh tăng	1.346.793.079	484.604.398
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	97.500.000	153.000.000
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi không đủ hồ sơ	145.893.432	282.438.955
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	996.826.822	49.165.443
- Thuế GTGT bị truy thu và phạt vi phạm hành chính về thuế	106.572.825	
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	210.000.000	255.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	12.192.952.523	13.016.781.672
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.445.190.505</b>	<b>2.863.691.968</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	2.438.590.505	2.863.691.968
- Chi phí thuế TNDN hiện hành điều chỉnh năm trước	6.600.000	-

### 33. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.610.968.939	9.923.485.306
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(688.877.515)	(992.348.530)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) (*)	688.877.515	992.348.530
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.922.091.424	8.931.136.776
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.100.000	7.100.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.116</b>	<b>1.258</b>

(\*) Công ty tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi 688.877.515 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (8% lợi nhuận sau thuế năm 2016). Số liệu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2015 đã được điều chỉnh lại theo số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế trích lập được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt.

### 34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu vật liệu	3.647.796.367	3.231.007.264
Chi phí nhân công	17.709.139.883	21.657.982.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.172.098.103	2.342.565.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.304.739.199	6.879.013.076
Chi phí khác bằng tiền	1.126.184.774	1.779.524.154
<b>Cộng</b>	<b>32.959.958.326</b>	<b>35.890.092.601</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 35. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 36. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>-</b>

### 37. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ cảng biển và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

### 38. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính tại Công ty bao gồm rủi ro thị trường (*rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá*), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên liệu, hàng hóa đầu vào. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý nhất.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các khách hàng trên địa bàn Tỉnh Bình Định và các Tỉnh Tây Nguyên. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	312.392.229	-	312.392.229
Chi phí phải trả	1.127.870.256	-	1.127.870.256
Vay và nợ thuê tài chính	500.000.000	3.250.000.000	3.750.000.000
Phải trả khác	4.702.000	2.000.000.000	2.004.702.000
<b>Cộng</b>	<b>1.944.964.485</b>	<b>5.250.000.000</b>	<b>7.194.964.485</b>
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.551.528.472	-	1.551.528.472
Chi phí phải trả	56.533.600	-	56.533.600
Phải trả khác	3.733.586.572	-	3.733.586.572
<b>Cộng</b>	<b>5.341.648.644</b>	<b>-</b>	<b>5.341.648.644</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	375.216.353	-	375.216.353
Phải thu của khách hàng	2.777.814.761	-	2.777.814.761
Đầu tư tài chính	500.000.000	3.000.000.000	3.500.000.000
Phải thu khác	3.400.000	-	3.400.000
<b>Cộng</b>	<b>3.656.431.114</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>6.656.431.114</b>

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.688.877.672	-	10.688.877.672
Phải thu của khách hàng	3.358.387.686	-	3.358.387.686
Đầu tư tài chính	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khác	81.923.669	-	81.923.669
<b>Cộng</b>	<b>14.129.189.027</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>17.129.189.027</b>

### 39. Thông tin về bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016	Năm 2015
Ban Giám đốc	Tiền lương	835.600.000	562.811.451
	Tiền thưởng	97.004.559	4.760.000
Hội đồng quản trị	Thù lao	240.000.000	234.000.000

### 40. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 41. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc  
Đông Thị Ánh

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đông Thị Quỳnh Hương

Người lập biểu

Lê Thị Minh Quy